

Số: /TCBC-STP

Cà Mau, ngày tháng năm 2026

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành
(Quyết định số 166/2026/QĐ-UBND ngày 22/7/2026)

Thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”. Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành như sau:

1. Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành: Quyết định số 166/2026/QĐ-UBND ngày 22/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2026. Các Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 18/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc Ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu ban hành kèm theo Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 18/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; Quyết định 44/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc ban hành Quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) *Sự cần thiết:* Thực hiện Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14, Luật số 28/2023/QH15 và Luật số 146/2025/QH15, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Cà Mau là cần thiết.

b) *Mục đích:* Nhằm xác định rõ phạm vi, trách nhiệm và thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; bảo đảm việc quản lý được thống nhất, phù hợp với quy mô và tính chất của từng công trình, nâng cao hiệu quả khai thác, vận hành, bảo vệ công trình, phục vụ sản xuất, dân sinh, phòng, chống thiên tai và phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

4. Nội dung chủ yếu: Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Cà Mau, áp dụng cho các công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước, được đưa vào khai thác, sử dụng. Đối với các công trình, hệ thống công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng bằng các nguồn vốn ngoài ngân sách, việc tổ chức quản lý, vận hành, khai thác do chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu quyết định trên cơ sở vận dụng quy định tại quy định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

4.1. Nguyên tắc phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi

a) Bảo đảm thực hiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 19 của Luật Thủy lợi năm 2017. Bảo đảm các yêu cầu phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước và các tác hại khác do nước gây ra, bảo đảm an toàn công trình và phải đảm bảo tính hệ thống, không chia cắt theo địa giới hành chính, phù hợp với hiện trạng năng lực quản lý, khai thác của các tổ chức, cá nhân khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

b) Tùy theo quy mô, năng lực, mức độ phức tạp về kỹ thuật và vị trí của công trình để phân cấp cho các cấp chịu trách nhiệm quản lý, khai thác (cấp tỉnh và cấp xã).

- Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, khai thác các công trình thủy lợi hoặc hệ thống công trình thủy lợi đầu mối có quy mô lớn, quan trọng, có kỹ thuật vận hành điều tiết nước phức tạp hoặc phục vụ sản xuất từ hai địa giới hành chính cấp xã trở lên; các công trình thủy lợi hoặc hệ thống công trình thủy lợi giáp ranh với tỉnh khác; liên quan đường thủy nội địa; các cửa kênh thông ra biển; công trình thủy lợi làm nhiệm vụ liên quan đến đê điều.

- Ủy ban nhân dân các xã, phường quản lý, khai thác các công trình thủy lợi hoặc hệ thống công trình thủy lợi được xây dựng trên địa bàn đó có quy mô nhỏ, kỹ thuật vận hành tương đối đơn giản phục vụ cho một khu vực sản xuất nhất định thuộc địa giới hành chính của một địa phương (*ngoài các công trình thủy lợi do cấp tỉnh quản lý*).

c) Việc phân cấp quản lý công trình thủy lợi phải phù hợp với quy định của pháp luật về đê điều, pháp luật về thủy lợi, pháp luật về quản lý tài sản công và các quy định của pháp luật có liên quan; đảm bảo tính kế thừa, thuận lợi trong quá trình quản lý, sử dụng nhằm phát huy tối đa năng lực phục vụ của công trình.

d) Công trình do cấp nào quản lý, khai thác thì cấp đó trực tiếp tổ chức quản lý, vận hành, khai thác, bảo vệ và bảo dưỡng, sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, tài sản khác phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định của Luật Thủy lợi, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật liên quan.

4.2. Phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi

a) Công trình thủy lợi hiện hữu

- Đối với danh mục các công trình hoặc hệ thống công trình đầu mối có quy mô lớn, quan trọng, có kỹ thuật vận hành điều tiết nước phức tạp hoặc phục vụ sản xuất từ hai địa giới hành chính cấp xã trở lên; các công trình thủy lợi hoặc hệ thống công trình thủy lợi giáp ranh với tỉnh khác; liên quan đường thủy nội địa; các cửa kênh thông ra biển; công trình thủy lợi làm nhiệm vụ liên quan đến đê điều do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý giao Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý, khai thác theo danh mục tại các Phụ lục I, II, III và VII kèm theo Quyết định số 166/2026/QĐ-UBND.

- Đối với danh mục các công trình thủy lợi hoặc hệ thống công trình thủy lợi được xây dựng trên địa bàn đó có quy mô nhỏ, kỹ thuật vận hành tương đối đơn giản phục vụ cho một khu vực sản xuất nhất định thuộc địa giới hành chính của một địa phương do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, khai thác theo danh mục tại các Phụ lục IV, V, VI kèm theo Quyết định số 166/2026/QĐ-UBND và hệ thống công trình thủy lợi nhỏ, nội đồng trên địa bàn đó.

- Đối với các công trình thủy lợi chưa có trong danh mục tại các phụ lục kèm theo quy định này thì việc xác định cơ quan, đơn vị quản lý, khai thác thực hiện theo nguyên tắc phân cấp quản lý và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền quản lý, khai thác của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thì việc quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật hiện hành. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

d) Công trình thủy lợi đầu tư xây dựng mới: Đối với các công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng mới bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước sau thời điểm quy định này có hiệu lực thi hành. Đơn vị được giao làm chủ đầu tư căn cứ các quy định hiện hành, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan đề xuất đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi trong quá trình lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật của dự án.

đ) Đối với các tuyến sông, kênh thuộc hệ thống đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Cà Mau, thẩm quyền quản lý được xác định theo cấp tuyến. Các tuyến đường thủy nội địa quốc gia do Bộ Xây dựng quản lý nhà nước, trực tiếp là Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam và các đơn vị được giao; các tuyến đường thủy nội địa địa phương do UBND tỉnh Cà Mau quản lý, giao Sở Xây dựng tham mưu, tổ chức thực hiện. Trường hợp tuyến sông, kênh đồng thời là công trình thủy lợi hoặc có hoạt động liên quan đến cấp, thoát nước, tiêu úng, kiểm soát mặn, bảo vệ công trình thủy lợi thì Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp quản lý theo chức năng, nhiệm vụ về thủy lợi, tài nguyên nước và phòng, chống thiên tai.

4.3. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

a) Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi bao gồm bản thân công trình và vùng phụ cận (hành lang) xung quanh gồm cả phần đất và nước (ngang và đứng) tiếp giáp với

công trình, được xác định nhằm mục đích quản lý, khai thác và bảo vệ an toàn công trình khỏi các tác động tiêu cực, nhằm bảo đảm an toàn, ổn định và phục vụ quản lý, khai thác công trình theo quy định của pháp luật về thủy lợi hoặc bảo vệ nguồn nước mặt, được lập để ổn định bờ, chống lún chiếm, ngăn ngừa ô nhiễm và bảo vệ hệ sinh thái.

b) Phạm vi hành lang bảo vệ của các công trình thủy lợi được quy định cụ thể như sau:

- Đối với âu thuyền:

Có hồ sơ thu hồi đất thì phạm vi hành lang bảo vệ tính từ ranh thu hồi đất theo hồ sơ pháp lý của dự án.

Chưa có hồ sơ thu hồi đất thì phạm vi hành lang bảo vệ được tính như sau:

Được giới hạn từ phần xây đúc cuối cùng trở ra về phía thượng lưu và hạ lưu âu thuyền là 50 mét và hai bên bờ thì được giới hạn lấy theo phạm vi bảo vệ bờ bao theo trục kênh.

- Đối với cống.

Có hồ sơ thu hồi đất thì phạm vi hành lang bảo vệ tính từ ranh thu hồi đất theo hồ sơ pháp lý của dự án.

Chưa có hồ sơ thu hồi đất thì phạm vi hành lang bảo vệ được tính như sau:

Cống có khẩu độ ≥ 3 mét được giới hạn từ phần xây đúc cuối cùng trở ra về phía thượng lưu và hạ lưu cống là 50 mét và hai bên bờ thì được giới hạn lấy theo phạm vi bảo vệ bờ bao theo trục kênh.

Cống có khẩu độ < 3 mét được giới hạn từ phần xây đúc cuối cùng trở ra về phía thượng lưu và hạ lưu cống là 25 mét và hai bên bờ thì được giới hạn lấy theo phạm vi bảo vệ bờ bao theo trục kênh.

- Đối với trạm bơm.

Có hồ sơ thu hồi đất thì phạm vi hành lang bảo vệ tính từ ranh thu hồi đất theo hồ sơ pháp lý của dự án.

Chưa có hồ sơ thu hồi đất thì phạm vi bảo vệ được tính như sau:

Trạm bơm (lớn, vừa, nhỏ) có cống điều tiết nước thì hành lang bảo vệ lấy theo hành lang bảo vệ cống theo mục b, khoản 2 của Điều 5 quy định này.

Trạm bơm (lớn, vừa, nhỏ) không có cống điều tiết nước thì hành lang bảo vệ kể từ giới hạn phần xây đúc cuối cùng trở ra về phía thượng lưu và hạ lưu trạm bơm là 15 mét và hai bên bờ thì được giới hạn lấy theo phạm vi bảo vệ bờ bao theo trục kênh.

- Đối với kênh.

Có hồ sơ thu hồi đất thì phạm vi hành lang bảo vệ tính từ ranh thu hồi đất theo hồ sơ pháp lý của dự án.

Chưa có hồ sơ thu hồi đất thì phạm vi hành lang bảo vệ được xác định tính từ mép kênh trở ra, cụ thể như sau:

Kênh lớn: Từ mép kênh trở ra mỗi bên 20m.

Kênh vừa: Từ mép kênh trở ra mỗi bên 10m.

Kênh nhỏ: Từ mép kênh trở ra mỗi bên 05m.

Các tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông, phạm vi hành lang bảo vệ công trình thực hiện theo quy định về hành lang bảo vệ công trình giao thông, nhưng không nhỏ hơn phạm vi bảo vệ công trình theo loại kênh.

- Đối với bờ bao.

Có hồ sơ thu hồi đất thì hành lang bảo vệ tính từ ranh thu hồi đất theo hồ sơ pháp lý của dự án.

Chưa có hồ sơ thu hồi đất thì hành lang bảo vệ được xác định tính như sau:

Bờ bao lớn: Từ mép kênh trở ra trở ra phía đồng 20m.

Bờ bao vừa: Từ mép kênh trở ra trở ra phía đồng 15m.

Bờ bao nhỏ: Từ mép kênh trở ra trở ra phía đồng 05m.

- Đối với hồ chứa nước:

Có hồ sơ thu hồi đất thì phạm vi hành lang bảo vệ tính từ ranh thu hồi đất theo hồ sơ pháp lý của dự án.

Chưa có hồ sơ thu hồi đất thì phạm vi hành lang bảo vệ được quy định tại khoản 3 Điều 40 Luật Thủy lợi năm 2017.

c) Khi công trình thủy lợi gần công trình điện (dưới đường dây tải điện, đi song song với đường dây tải điện, gần vị trí móng trụ, gần trạm biến áp) phạm vi hành lang bảo vệ công trình thủy lợi ngoài việc đảm bảo các quy định trên, hành lang bảo vệ an toàn phải tuân theo tiêu chuẩn, quy chuẩn của công trình điện hiện hành.

d) Trường hợp trong một cụm công trình thủy lợi có công trình đất kết hợp với công trình xây đúc thì phạm vi hành lang bảo vệ công trình thủy lợi xác định theo thứ tự lần lượt: Công trình xây đúc, công trình đất.

đ) Trường hợp công trình thủy lợi nằm trong khu vực bảo tồn thiên nhiên, nằm trong phạm vi hành lang bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa hoặc khu vực an ninh quốc phòng: Thực hiện theo quy định pháp luật về bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và bảo vệ khu vực an ninh quốc phòng và các quy định liên quan.

g) Đối với những công trình thủy lợi khác không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 40 Luật Thủy lợi năm 2017 và quy định này căn cứ quy định pháp luật và yêu cầu công tác quản lý, khai thác và bảo vệ của từng công trình thủy lợi để xác định phạm vi hành lang bảo vệ công trình thủy lợi cụ thể và phù hợp với thực tế của từng công trình.

h) Công trình thủy lợi khi điều chỉnh quy mô, mục đích sử dụng, phải điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ công trình phù hợp với quy định tại Điều 40 Luật Thủy lợi năm 2017; cơ quan phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh phạm vi vùng phụ cận bảo vệ công trình.

l) Việc xây dựng, cải tạo, hoặc sử dụng đất trong phạm vi hành lang bảo vệ công trình thủy lợi phải tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định của Luật Thủy lợi năm 2017 và quy hoạch của địa phương.

4.4. Trách nhiệm cơ quan, đơn vị được giao quản lý, khai thác công trình thủy lợi

a) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý, khai thác công trình thủy lợi phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ và tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo Nghị định số 74/2026/NĐ-CP ngày 14/3/2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

b) Bảo đảm tính hệ thống của công trình, kết hợp quản lý theo hệ thống và vùng lãnh thổ đồng thời bảo đảm các yêu cầu phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước và các tác hại do nước gây ra, bảo đảm an toàn và khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi trong việc tưới tiêu, cấp nước phục vụ các ngành sản xuất, dân sinh, kinh tế - xã hội và môi trường.

c) Lập phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định hiện hành và thực hiện cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo được quy định tại Điều 43 Luật Thủy lợi năm 2017 và Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

d) Đối với hệ thống công trình và các công trình chưa có quy trình vận hành, đơn vị quản lý theo phân cấp tổ chức xây dựng Quy trình vận hành công trình thủy lợi theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 24 Luật Thủy lợi năm 2017 và Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi và trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành công trình thủy lợi quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

đ) Trong quá trình tổ chức đầu tư xây dựng, duy tu, sửa chữa nâng cấp, mở rộng công trình thủy lợi có liên quan đến giao thông đường thủy nội địa và giao thông bộ, đơn vị được giao quản lý phối hợp với cơ quan quản lý đường thủy nội địa theo phân cấp thống nhất các yêu cầu kỹ thuật và các yêu cầu khác liên quan.

g) Đối với công trình thủy lợi thuộc trường hợp phải đăng ký, cấp phép khai thác tài nguyên nước theo quy định tại Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai,

đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan thì phải hoàn thành việc đăng ký, cấp phép khai thác tài nguyên nước theo quy định.

h) Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí, quản lý vận hành, khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và tài sản khác phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, theo quy định của Luật Thủy lợi, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật liên quan khác và báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý, khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 hàng năm để tổng hợp chung vào kế hoạch của tỉnh.

l) Chịu trách nhiệm rà soát, phân loại, lập hồ sơ kế toán tài sản, lập hồ sơ, quản lý lưu trữ hồ sơ, kê khai, cập nhật vào cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công và thực hiện chế độ báo cáo về quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định.

n) Các trách nhiệm khác theo quy định khác của pháp luật liên quan.

4.5. Tổ chức thực hiện: Trách nhiệm thực hiện của Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; Sở Nội vụ; Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã được quy định cụ thể tại Điều 7 của quy định kèm theo Quyết định số 166/2026/QĐ-UBND ngày 22/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành, Sở Tư pháp xin thông báo (gửi kèm Quyết định số 166/2026/QĐ-UBND)/.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBNDTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh Cà Mau;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Trang Thông tin PBGDPL tỉnh (để đăng tải);
- Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp (để đăng tải);
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, PBGDPL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Thị Ngọc